

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 9 năm 2024

V/v thông báo kết quả quan trắc vùng nuôi trồng
thủy sản tại một số tỉnh trọng điểm khu vực
Nam Trung Bộ

BẢN TIN THÔNG BÁO KẾT QUẢ QUAN TRẮC (ĐỢT 24)

(Theo Quyết định số 513/QĐ-TCTS-NTTS ngày 28/12/2021 của Tổng cục Thủy sản)

Phần I: Thông tin chung điểm quan trắc

- I. Thông tin cơ bản về điểm, thời gian, đặc điểm thời tiết lúc quan trắc: như phụ lục 1 đính kèm.
- II. Tình hình nuôi trồng thủy sản tại các tỉnh quan trắc; cảnh báo các yếu tố nằm ngoài giới hạn cho phép (GHCP).

Theo thông tin từ Chi cục Thủy sản các địa phương, đến thời điểm quan trắc tình hình nuôi trồng thủy sản các tỉnh như sau:

- Bình Định: Diện tích nuôi thủy sản nước lợ toàn tỉnh tháng 9 là 1.953,5 ha. Trong đó, diện tích nuôi tôm nước lợ là 1.907 ha (vụ 1 là 1.667 ha; vụ 2 khoảng 240 ha tôm chân trắng) và 46,5 ha nuôi ốc hương. Sản lượng thu hoạch tôm ước đạt 7.700 tấn.

- Phú Yên: tổng số lồng nuôi biển các loại khoảng 76.861 lồng, trong đó thị xã Đông Hòa có 16.852 lồng, thị xã Sông Cầu 40.914 lồng tôm hùm thương phẩm, sản lượng ước đạt 1.551 tấn, tăng 5,5% so với cùng kỳ năm 2023. Diện tích nuôi tôm nước lợ ước đạt 2.159 ha (tôm sú 249 ha, tôm thẻ chân trắng 1.910 ha), tăng 1,0% so với cùng kỳ; sản lượng ước đạt 9.760 tấn (tôm sú 2.010 tấn, tôm thẻ 9.550 tấn), tăng 2,9% so với cùng kỳ.

- Khánh Hòa: tổng số lồng nuôi tôm hùm thương phẩm khoảng 59.024 lồng, sản lượng ước đạt 1.759 tấn. Diện tích nuôi tôm nước lợ ước đạt 1.869 ha (tôm sú 369 ha, tôm thẻ chân trắng 1.500 ha), sản lượng ước đạt 3.664 tấn (tôm sú 175 tấn, tôm thẻ 3.489 tấn).

- Ninh Thuận: sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 7,700 tấn, tăng 6,1% so với cùng kỳ. Sản xuất giống tôm nước lợ ước đạt 28,1 tỷ postlarvae, tăng 4,4% so với cùng kỳ.

- Bình Thuận: diện tích nuôi tôm nước lợ ước đạt 458 ha (chủ yếu là tôm thẻ chân trắng), tăng 3,2% so với cùng kỳ, sản lượng ước đạt 3.012 tấn, tăng 1,5% so với cùng kỳ. Sản xuất giống tôm nước lợ ước đạt 14,8 tỷ postlarvae, tăng 2,2% so với cùng kỳ.

- Lâm Đồng: diện tích NTTS toàn tỉnh ổn định, khoảng 2.364 ha, trong đó diện tích nuôi cá tầm là 54 ha.

Dựa vào kết quả quan trắc đợt 24, cảnh báo các yếu tố môi trường nước có khả năng nằm ngoài GHCP thời gian tới, gồm: độ kiềm, độ mặn, DO, NH_4^+ -N, PO_4^{3-} -P, COD và *Vibrio* spp.

Phần II: Kết quả quan trắc chất lượng nước

- I. Kết quả phân tích mẫu: như phụ lục 2 - 4 đính kèm.
- II. Đánh giá chất lượng nước (AWQI): như phụ lục 5 đính kèm.

Từ kết quả phân tích mẫu (nước cấp vùng nuôi tôm nước lợ, nước và tôm hùm nuôi lồng). Khuyến cáo cho các vùng nuôi như sau:

- *Môi trường nước cấp vùng nuôi tôm nước lợ và sản xuất giống:*

Chất lượng nước cấp trong đợt quan trắc đánh giá theo chỉ số AWQI hầu hết ở mức rất tốt (AWQI= 86-100), ngoại trừ nước cấp vùng sản xuất giống Khánh Nhơn ở mức trung bình (AWQI=47). Một số lưu ý như sau:

+ Độ mặn nước cấp vùng nuôi Đông Điền, Vinh Quang thấp (5-6‰), chưa phù hợp cho nuôi tôm nước lợ. Do đó, khi cần cấp nước vào ao nuôi, người nuôi nên lấy nước lúc đạt đỉnh triều cường và đảm bảo độ mặn từ 7-25‰.

+ Độ kiềm nước cấp tại Đông Điền, Vinh Quang, Tân Thủy (dao động từ 71-89 mg/l) chưa phù hợp cho nuôi tôm nước lợ. Do đó, người nuôi sử dụng vôi CaCO_3 hoặc vôi Dolomite ($\text{CaMg}(\text{CO}_3)_2$) với liều lượng thích hợp để nâng độ kiềm, đồng thời loại bỏ nhuyễn thể (ốc, hến, vẹm,...) có trong ao.

+ Người nuôi thường xuyên theo dõi ôxy hòa tan (DO) trong nước ao nuôi, đồng thời tăng cường quạt nước (DO tại Tân Thủy đo được 4,38 mg/l, thấp hơn GHCP).

+ Hàm lượng phosphat ($\text{PO}_4^{3-}\text{-P}$) trong nước cấp tại Đông Điền, Vinh Quang, Hòa Thạnh 1 và Khánh Nhơn (dao động từ 0,16-0,33 mg/l) cao hơn GHCP. Do đó, có thể sử dụng phèn nhôm ($\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$), vôi (CaCO_3),... để xử lý nước ở ao/bể lắng, trước khi cấp vào ao/bể nuôi.

+ Mật độ *Vibrio* spp. trong nước cấp tại Thôn 4 và Khánh Nhơn vượt GHCP. Do đó, người nuôi cần khử trùng nước bằng chlorine hoặc thuốc tím (liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất) trước khi cấp vào ao/bể nuôi, đặc biệt là ở Khánh Nhơn.

Ngoài ra, theo dự báo xu thế thời tiết của Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Quốc gia, khu vực Nam Trung Bộ từ ngày 27/9-06/10 ngày nắng, có mưa rào và dông, cục bộ có mưa to đến rất to (mưa tập trung vào chiều và đêm). Một số khuyến cáo như sau:

+ Kiểm tra, gia cố bờ ao, bạt lót, hệ thống cấp và thoát nước; che chắn, sửa chữa chòi canh, lán trại,...

+ Chuẩn bị đủ vôi (CaCO_3 , Dolomite) và rải vôi xung quanh bờ ao khi trời chuyển mưa, nhằm hạn chế sự thay đổi đột ngột môi trường nước ao nuôi, đồng thời đặt ống xả tràn khi có mưa to đến rất to.

+ Theo dõi các chỉ tiêu môi trường nước cơ bản ở ao nuôi (nhiệt độ, pH, độ mặn, độ kiềm, ôxy hòa tan, màu tảo,...), quan sát tôm nuôi để xử lý kịp thời khi có dấu hiệu bất thường.

+ Điều chỉnh lượng thức ăn phù hợp tình hình thực tế của thời tiết và sức khỏe của tôm nuôi. Thường xuyên si-phong đáy ao nuôi để loại bỏ thức ăn dư thừa, bùn đáy, hạn chế ô nhiễm nước ao nuôi (đối với ao lót bạt).

- *Môi trường nước vùng nuôi tôm hùm và giám sát bệnh sứa trên tôm:*

Chất lượng nước vùng nuôi tôm hùm đánh giá theo chỉ số AWQI ở mức tốt đến rất tốt (AWQI = 84-100). Một số lưu ý:

+ Hàm lượng $\text{NH}_4^+\text{-N}$ cao hơn giá trị GHCP tại 5/21 vị trí thu mẫu, xảy ra chủ yếu ở ven bờ một số vùng nuôi và khu nuôi Xuân Yên. Ngoài ra, hàm lượng DO thấp và COD cao hơn GHCP lần lượt ở ven bờ Xuân Yên và Xuân Tự. Do đó, cần thường xuyên vệ sinh lưới lồng, thu gom rác thải, thức ăn thừa, giãn cách giữa các lồng/bể nuôi phù hợp, qua đó tăng cường lưu khả năng lưu thông nước, giảm COD và tăng ôxy hòa tan.

+ Mật độ *Vibrio* spp. vượt GHCP ở một số khu nuôi và ven bờ Xuân Tụ. Người nuôi cần treo túi vôi quanh lồng/bè (khoảng 2kg vôi/túi) nhằm hạn chế mật độ *Vibrio* spp. cao.

+ Tác nhân gây bệnh sứa (RLB) giám sát trên tôm hùm nuôi ở Xuân Phương, Xuân Yên cùng chiếm 16,7% (1/6 mẫu mỗi vùng) và Lạch Cò Cò chiếm 33,3% (2/6 mẫu). Vi khuẩn *V. alginolyticus* (gây đỏ thân tôm hùm) ở Xuân Phương chiếm 16,7% (1/6 mẫu), ở Xuân Yên và Lạch Cò Cò cùng chiếm 33,3% (2/6 mẫu). Mật độ vi khuẩn *Vibrio* spp. trong mẫu tôm hùm cao, dao động từ $3,8 \times 10^4$ – $2,1 \times 10^5$ cfu/g (Phú Yên) và từ $8,4 \times 10^4$ – $1,0 \times 10^5$ cfu/g (Khánh Hòa). Kết quả cho thấy, tác nhân gây bệnh sứa, đỏ thân trên tôm hùm nuôi ở Phú Yên tương đương với ở Khánh Hòa và cùng chiếm tỷ lệ thấp.

Ngoài ra, thời tiết ở khu vực thời gian tới ngày nắng, có mưa rào và dông, cục bộ có mưa to đến rất to (mưa tập trung vào chiều và đêm). Một số khuyến cáo như sau:

+ Gia cố lồng bè, hệ thống dây neo, chòi canh, phao, lưới. Đưa các lồng không có thủy sản nuôi vào bờ.

+ Theo dõi môi trường nước xung quanh lồng nuôi (màu nước, mức độ sóng gió,...), độ mặn (đặc biệt là các vùng nuôi gần cửa sông); theo dõi hoạt động của tôm để có biện pháp xử lý kịp thời.

+ Điều chỉnh lượng thức ăn phù hợp tùy tình hình thực tế của thời tiết và sức khỏe của tôm nuôi, chọn thức ăn có chất lượng tốt.

Cơ quan có thẩm quyền ở địa phương phổ biến bản tin quan trắc đến cộng đồng người nuôi trồng thủy sản.

Nơi nhận:

- Cục Thủy sản;
- Phòng NN&PTNT huyện Tuy Phước, Tuy Phong;
- Phòng Kinh tế thị xã Sông Cầu, Đông Hòa;
- Phòng Kinh tế huyện Vạn Ninh, thành phố Cam Ranh;
- Chi cục Thủy sản tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận;
- Trung tâm QTMT và bệnh thủy sản miền Trung;
- Lưu VT.



PGS.TS VÕ VĂN NHA